

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 6

PHẦN TRUNG

“Bất giác bất tri...”: Căn cứ Tứ đế giải thích bốn câu đây. Chỉ đầu tiên nêu văn nên liệt kê đủ bốn câu, chỉ là văn lược trong đó chia làm ba:

- 1) Căn cứ phạm giải thích.
- 2) Căn cứ vị giải thích.
- 3) Căn cứ ba đời.

Phần một lại có ba: Nêu, Giải thích, Kết.

Phần Nêu: “Đều không nói...”: là nêu Khổ. “Hỏa”: Tam giới ngũ trước bất khổ. “Không hiểu hỏa...”: là nêu Tập. Hỏa vốn năng thiêu như Tập chiêu cảm khổ. “Đã không biết...”: là nêu lỗi Đạo. Đã không sợ tổn thương cho nên nói “bất kinh” (không sợ), thương tổn tức lỗi. “Không lo đoạn...”: là nêu lỗi Diệt. Không đạo để thân, thì Tuệ mạng cũng đoạn.

“Chúng sinh...”: giải thích bốn câu trước. Ấm ắt là khổ giải thích khổ trước có. Đã hoàn toàn bất giác tức là không biết khổ. “Bất tri...”: giải thích Tập trước. “Bốn đảo ba độc” giải thích Tập trước có, đã hoàn toàn bất tri (không biết), cho nên không biết Tập. Ba độc là Tu hoặc, bốn đảo là Kiến hoặc. “Đã không...”: giải thích lỗi Đạo Diệt. Do bất tri khổ Tập nên Đạo Diệt đều lỗi. “Không biết Hoặc” là không biết Tập. Đã không biết tập nên không ưu lo khổ. Hoặc xâm tổn pháp thân lỗi Đạo để, ắt tổn tuệ mạng lỗi Diệt để.

“Như thị...”: là kết. “Do không nghe...”: là tiếp, nương vị giải thích. Trong đó, đầu tiên là dùng hai câu đầu hai lớp thuận giải thích. Tiếp, dùng hai câu sau trở lại giải thích. Đầu văn trước dùng hai câu đối nơi Văn, Tư, nên nói “bất giác Văn, Tư, bất tri Tu tuệ”, chỉ là văn lược, Tiếp dùng hai câu tiến đến Thánh vị. Tiếp trở lại giải thích: Lẽ ra nói không kiến đế cho nên “bất kinh (không sợ)”, không tư duy cho nên “bất bố” (không hãi). Trong văn phản thích, nên nói “Kiến đế tức kinh

ngộ”... Đây nêu Tứ đế quán thành Kiến hoặc và Tư hoặc cứu cánh tận. Do Hoặc tận cho nên Tứ đế hoàn toàn hiển. Bắt đầu đắc Kiến đế mê ngộ bắt đầu phân, như từ lâu mê bắt đầu chánh cho nên nói “kinh ngộ”. Lại nhằm chán sợ hãi thi đường mê mới tận (hết). Tiếp, căn cứ ba đời: Không nói quá khứ và dùng Tập, tức hiện tại quán vị lai Khổ là do hiện tại Tập. Lại quán hiện tại Khổ là do quá khứ Tập, như trong nhân duyên gọi là luân hồi. Tuy luận ba đời mà chánh là quán hiện tại Khổ; do đoạn Tập hiện tại, nay sẽ dứt khổ. Cho nên biết bất giác hiện khổ, tức Khổ Tập đều mê. Do đây năng chiêu Khổ đời vị lai, đã mê Khổ Tập, thì về lý tất nhiên là không có Đạo Diệt. Nêu hai đời khổ để nhiếp ba đời, đầy đủ như dẫn văn, cũng chỉ dùng Khổ mà nhiếp nơi Tập. Nhưng ba giải thích trước tuy lại căn cứ phạm, căn cứ vị... ba thứ. Tóm lại mà nói: Đều là mê đế, do mê đế nên tám khổ bức bách thân.

“Năm thức...”: Bức bách gần. Trước tại năm thức, gọi là “gần”, vì rất gần với mình nên gọi là “bức thân”, đồng thời ý thức đều thọ cảnh khổ, chẳng phải sát-na đầu tiên khi chưa phân biệt. Lại chỉ thể của năm thức này là dị thực bát khổ. Gần lẽ nào quá đây, cho nên đây đồng thời đâu có thể chán lo. Cho nên ở đây tâm vương tâm sở không thể do ý thức đây thành quán, chỉ có thể phân biệt để thành ba thọ. Ba thọ nghĩa thành cho nên nói rất gần với mình. Rất bức bách nên gọi là rất gần. Cho nên mỗi một khổ đều do năm thức để đối nơi cảnh. Tiếp, đến thứ sáu mà lập lại phân biệt, lại lập khổ nhân, tại sao năng sinh nhằm chán?

“Cũng nói...”: xuất các giải thích khác. Xưa kết Đại thừa gọi là “chủng”. “Công đức” tức là “pháp thân trí tuệ”, tức lấy trí này làm thể. Bị khổ bức bách, đại lý trí thừa đều gặp khổ tập. Bất giác bất tri gọi là bị lửa bức. “Nay cho rằng...”: chỉ căn cứ tên “trước”, không cần đối Đại thừa. Đã lưu chuyển rồi, thì Tiểu còn không biết, cho nên tổng các nghĩa cộng thành năm trước. Bốn câu Bất giác v.v... là Chúng sinh trước, vì bốn câu chỉ là mê nơi Tứ đế. Do mê đế cho nên Chúng sinh tức trước. Tiếp, “Lửa đến...”: là Mạng trước: Khổ thành, thọ ngắn ngủi, khiến mạng thành trước. “Tâm chẳng nhằm...”: là Kiếp trước. Do không nhằm khổ, thường tại tam giới ắt gặp tam tiểu, gọi là Kiếp trước. Trong câu “Như thế cùng Năm trước tương đương vân vân” thì “vân vân” là: Ý bài xích xưa không cần đem đây đối Đại thừa nói. Dùng năm trước chỉ là rộng nói thấy lửa bên trên, bởi vì trên chỉ nói “thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên”. “Ông Trưởng giả đó lại nghĩ...”: Trước, giải thích “năng thi” tay và thân. Tiếp, giải thích “sở thi” vật áo. Năng sở đều phế bỏ, cho

nên nói “không được”. Phần trước, văn chia làm mười phần:

- 1) Nêu.
- 2) Dẫn hợp thí.
- 3) “Y Tam-muội...”: nêu hai nghĩa sở y.
- 4) “Trí đoạn...”: nêu hai nghĩa công năng.
- 5) “Đây là...”: nêu hai nghĩa môn.
- 6) “Khuyến tức...”: dùng tứ Tất-đàn giải thích.
- 7) “Như Lai...”: nêu ý dùng hai nghĩa.
- 8) “Cho nên biết...”: là kết quy.
- 9) “Cho nên văn trên...”: dẫn chứng.
- 10) “Trước tán thán...”: lập lại chỉ trước chứng.

Bốn phần trước có thể biết. Phần thứ năm: “Đây là...”: Tức dùng nhân quả tương đối, Khuyến là môn của Trí, Giới (răn) là môn của Đoạn, cho nên nói “từ hai môn nhập”. Nay trong môn Khuyến lại nói Giới (răn), thì thể môn lý hợp xen nhau đầy đủ, đều một nghĩa tiện cho nên lại biệt nói. Trong phần thứ sáu: dùng tứ Tất, nói “Hai Tất-đàn này là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn mà làm phương tiện”: hai Tất-đàn là tu đắc Trí, Đoạn. Đệ nhất nghĩa tức tánh đức pháp thân. Đầu phẩm Phương Tiện do Pháp thân Trí Đoạn áp dụng cho vật không được, cho nên thôi hóa.

Hỏi: Vì sao không nói Thế giới Tất-đàn?

Đáp: Đều hai môn không đồng tùy thích đều có biệt. Lại nghe hai việc hoan hỷ đều là Thế giới, cho nên Phật thừa đây sinh thiện diệt ác, sinh khắp tám môn, Viên Biệt bốn môn đều hai đều bốn. Cho nên hai môn đây nhiếp tất cả pháp, ngoài ra như văn.

“Trong Giải thích sở thi” văn chia làm ba phần:

- 1) Xuất sở y Tam tạng.
- 2) Xuất cữ giải.
- 3) “Nay dùng...”: là chánh giải thích.

Phần đầu tuy y Tam tạng chỉ biện rõ vật tướng, chưa nêu pháp môn. Tiếp, trong phần cữ giải, Sư đầu tiên nói: Đại thừa nhân quả, lý tại sao không thể? Chỉ thiếu tướng thi hóa, cho nên không dụng. Sư thứ hai đã nói rút trong kinh A-hàm, không nên dùng Tiểu mà giải thích về Đại. Dù nói Đại thừa tại sao có khác Tứ giai (thành đạo)? Có người nói “giới” (vạt áo) là tay áo. Nay không dùng, lẽ nào dùng tay áo chứa đựng con (thạnh tử) để cứu lửa? Tiếp, trong phần Chánh giải thích “Cũng dùng...” là hợp thí. Phật tự giải thích nghĩa, lẽ nào đồng tình thế gian? Trong đó chia làm năm phần:

- 1) Dẫn văn dưới.

2) “Thần lực...”: là chánh giải thích, thân tay chỉ trước giải thích vật áo...

3) “Như Lai...”: nêu rõ dùng ba ý.

4) “Vật áo...” nêu ý lập danh. Ba phần trước: có thể biết. Nói “Danh lược nghĩa huyền”: Biết và thấy là hai chữ, cho nên “danh lược”, nhiếp tất cả pháp cho nên “nghĩa huyền”, như một vật áo cũng đủ cho nên “lược”, chứa đựng (thạnh) nhiều gọi là “huyền”. “Bốn vô sở úy” lược như trong Pháp Giới Thứ Lớp và Chỉ Quán quyển bảy nói, Trí luận rộng giải thích. Thông nói “Vô úy”: Thập lực nội sung ngoại dụng không khiếp sợ, gọi là “vô úy”. Đức Phật tự thành thật nói: “Ta là bậc nhất thiết trí nhất thiết kiến, không có tất cả Sa-môn và Bà-la-môn, hoặc Thiên; Ma, Phạm và các chúng khác nói Như Lai bất trí (không biết)”, cho đến “không có chút tương sợ hãi”. “Dùng đối Tứ đế”: Tận khổ đạo tức Khổ đế, nói chướng đạo tức Tập đế, nhất thiết trí tức Đạo đế, lậu tận tức Diệt đế. Tứ chủng tứ đế tức bốn tứ vô úy. Nay nên tại Viên khắp tất cả bốn, ly hai làm bốn. Hai đều y đế, để làm sở y cho nên gọi là “an”.

Tiếp, trong “Thập lực”, Thông nói “lực”: Bên trong cái mà chư Phật chứng đắc Thật trí dụng rõ ràng phân minh. Không gì có thể hơn, không gì có thể hoại được, cho nên gọi là “lực”. “Vô úy” và “lực” trong ngoài sai biệt, mỗi mỗi nhiếp khắp cho nên gọi là “hoành (ngang)”, thập lực y lý cho nên gọi là “thụ (dọc)”, thì mười xứ rõ để lẽ nào không “đại an” ư? “Vô úy” và “lực” tuy có trong ngoài, nay đều căn cứ dụng cho nên trong ngoài đầy đủ. Năm, ba, bảy... là kết ý thi hóa. Nói “mà chúng sinh không kham”: đây chánh thiết lập Đại; nói “không kham” là chọn ý nói. “Chỉ có một cửa” cho đến “hẹp nhỏ”: Trong đó có hai phần: 1) Chỉ trên loại đồng. 2) Phân môn giải thích. Đầu tiên nói “Nghĩa như trên nói”: Như xa môn nói trên, trong đây cũng là tuyên bày xa môn nhất Phật thừa. Hoặc là đã xuất trạch môn mà chưa nhập xa môn, dùng khó xứng cho nên gọi là “hẹp nhỏ”. Đầu tiên nói “biệt”: Biệt là dựa ba nghĩa phân chữ giải thích. Trong đó, trước là chánh giải thích. “Giáo lý...”: là giải thích lý do. Chánh giải thích: Đã là lý môn lại thuộc giáo, Tiểu tức không có căn cơ, do vô hành cho nên không nhập lý giáo, gọi là “hẹp nhỏ”. Nói “Không dung đoạn thường Thất phương tiện”: lẽ ra nói đoạn thường và Thất phương tiện, đối Thật không nhập nghĩa nói là “không dung”. Nói “Chúng sinh không thể dùng giáo lý đây để tự thông”: tức chỉ tuân theo phương tiện mà thực hành. Nói “thông thích”: Lý, giáo, hạnh ba thứ, mỗi mỗi thông nêu một môn hẹp nhỏ. Do không nhập nên không đắc đến quả. Đầu tiên, căn cứ lý, chỉ một pháp giới cho

nên nói “không tạp”. Do lý nhất nên khắp thông tất cả, khiến đến lý đây cho nên nói “năng thông”. Do con không vào nên nói “khó biết”. “Căn cứ giáo”: Chỉ căn cứ Viên lý đối giáo để nêu, vì xuất nhập chỉ là lý giáo. Nói “phàm phu không biết xuất xứ” tức là không bằng nhị thừa đã từ trạch môn Tiểu giáo mà xuất. “Không biết nhập”: là không biết cửa xe (xa môn). Hai giáo nhị thừa chỉ từ môn mà xuất cho nên nói “ít biết”. Xưa giáo chưa thuyên bày thì vĩnh viễn không biết nhập. “Bồ-tát tuy tự biết xuất...”: là Thông giáo Bồ-tát. Tam tạng Bồ-tát tuy có xuất giáo trải qua ba tăng-kỳ trăm kiếp đều chưa xuất. Lại, Thông giáo Bồ-tát căn cứ độn căn, chưa biết nhập xứ cùng Nhị thừa đồng cho nên nói là “cũng chưa biết nhập”.

“Đoạt Thất phương tiện”: Trước cho nói phương tiện cũng nói “biết xuất”, còn chưa nhập thật gọi là “không biết nhập”. Nếu đoạt thuyết thì xuất cũng không biết. Vì sao? Vì không tự biết thượng trung hạ tánh cho nên không biết xuất, nên nói như thế. Thông biệt Diển môn còn có thể biết nhập, nhưng “đổi” giáo đạo. Cho nên, đoạt thuyết tức là Biệt giáo địa tiên đều không biết, còn không tự biết thượng trung hạ tánh, hướng chỉ một tiếng động đất một trận mưa. Từ không biết Quyền biên mà nói “đều không biết”. Cho nên, Biệt giáo địa tiên tuy biết Trung đạo mà giáo đạo vẫn là Quyền. Căn cứ giáo đạo mà luận cho đến nhập địa. Nhập địa ắt chứng cho nên phế bỏ không luận. Tiếp, “Văn trên nói...”: dẫn văn. Người Thất phương tiện đều chưa nhập Phật thừa. “Không thể dùng giáo...”: Nói “phương tiện” ắt là dùng để thông Thật. Nếu Phật chưa khai thì đều không thể dùng giáo mình thông đến tột cùng. Nói “sẽ luận đàm”: bởi vì trước lúc ấy, chưa bài xích cho nên không nói “không có căn cứ”, lược khai phương tiện cho nên nói “sẽ luận đàm”. “Căn cứ hạnh”: có thể biết.

“Ấu trĩ (thơ bé) không biết”: Sư xưa hoặc nói thiện của nhân thiên là ấu trĩ. Nay thì Đại thiện chưa sinh tại sao gọi là ấu trĩ ? Y nay làm chánh. “Luyện trước (mê đắm)...”: Trước nêu thiện yếu cho nên chưa hiểu biết, nay nêu ác mạnh đùa giỡn cho nên bị thiêu cháy. “Nhân thời”: Khi bắt đầu thoái Đại. “Quả thời”: Thời thọ tám khổ. Thoái Đại về sau đắm nhân ái kiến. Y báo Chánh báo tức là quả ái kiến. “Dục giới” đắm Y báo. “Sắc giới và Vô sắc giới” đắm Chánh báo, cho nên nói “thiền vị, định...”. “Tướng đối trị” đến “Tiểu thừa”. Giới môn của Đại thừa gọi là đối trị, không đồng Vô thường v.v... của Tiểu thừa, cho nên dẫn kinh Đại Phẩm nói Tứ niệm xứ... đều là Ma-ha-diễn. Quán bất tịnh... năng sở đều vong đều “bất khả đắc”.

Hỏi: Nếu như vậy thì chỉ là quán lý, tại sao gọi là đối trị?

Đáp: Khi tu đối trị thì năng sở đều không, nay đây cũng vậy.

Căn cứ thiết lập Đại thừa giáo hóa lại khiến lìa trước, đối với Đức Phật chính là tướng Ma-ha-diễn, vì vậy cho nên được gọi là tướng Đại thừa trị. “Đã mê đắm...”: sở trị của Đại thì thích nghi nên dùng Đại để xả ác. “Nếu từ lâu (cửu)...”: Từ lâu trụ ở Kiến Tư, Đại tiểu đều lỗi. “Chẳng sợ” đến “như trên”: Như các văn giải thích bất giác v.v.. bên trên, rộng căn cứ phạm phu và ba đời. “Bối minh...”: Đông Tây ví như Khổ tập, nếu thấy rõ Khổ tập thì Đông Tây hướng đến sáng. Do không biết Khổ cho nên khởi nơi Tập, như mặt trời mọc hướng Đông mà rong ruổi hướng Tây. Không biết Tập cho nên chiêu cảm Khổ, như mặt trời phía Tây mà rong ruổi hướng Đông. Rong chạy nghĩa một cho nên kinh nói “hý”. Tử như qua, sinh như lại, trở lại rồi qua, sinh tử không dứt, không có thọ mạng biến dịch hai cõi kia như tốc tạt (nhanh chóng). Lại từ Khổ khởi Tập như qua, từ Tập thọ Khổ như lại. Một Khổ một Tập, một Sinh một tử, cho nên gọi là chạy rong qua lại. “Tuy dùng Đại dự định thích nghi”: Nghe mà không chịu, “nhìn cha mà thôi”, như tuy thấy cha mà sợ bỏ trốn, mất cái lợi ích của thấy nghe, cho nên nói “mà thôi”. Dĩ là thôi. Lại, căn cơ bầu vịu ở ứng, nên gọi là “nhìn”, cơ sinh không thọ nên nói “mà thôi”.

Từ “Đại thừa” đến “mạng cha đoạn”: Điều dùng Đại thừa làm mạng cha con, tuy Đại thừa cứu chữa được mà hạt giống không thể vong (mất), do đó tuy muốn tiểu hóa, vì còn Đại mạng nên không phế bỏ công hóa độ. Trước nói “thiết dĩ”: đầu tiên khi thoái Đại chợt khởi năm trước, như mới bức bách thân, đại thiện dung chứa vẫn còn. Nếu lâu không xuất lưu chuyển năm trước, thì gọi là “chắc bị thiêu cháy”, tức Đại tiểu đều thất (mất). Đây nói khi khởi tiểu ứng, cho nên nói “nếu không kịp thời”. Đại thừa thiện căn lý thật không đoạn, ý khiến mau xuất ất là do chết bức bách. Nếu lâu không xuất, thì nghĩa đồng nơi chết, cho nên nói “nghĩa chết”. Tức văn trên từ “bị thiêu” đến “nếu không kịp thời ra”.

Hỏi ý: “Được ra” và “đều bị cháy” trong ngoài nghĩa khác biệt, hai văn tương phản nghĩa kia như thế nào? Tiếp, “Trước đặc xuất...”: là Đáp ý: Pháp ứng không đồng hai nghĩa đều khác biệt, theo văn theo lý hai ý không đồng. Nếu căn cứ văn trước thì văn đã ký Tiểu (nương Tiểu thừa). Trở lại từ Tiểu giáo cửa bị cháy mà ra, thì trở lại căn cứ ngũ phần pháp thân. Nếu nghĩa kiêm nơi lý, thì pháp thông hai thứ. Nếu Pháp, Ứng tương đối; thì lý nên thường trú pháp thân đã xuất, nay luận ứng

thân vật cơ thọ hóa thì cơ ứng đều cứu giúp cho nên nói “kịp thời ra”, không thọ hóa thì cơ dứt nên thôi. Khôi Đoạn, nhập diệt nghĩa “đều sẽ bị cháy”. “Bị cháy”, cho nên nghĩa sẽ là cha con mạng đoạn, lấy đây dự định thích nghi mà bức bách thúc giục.

Hỏi: Trước đã nói “được ra” là Pháp thân, Đại cùng Tiểu pháp đều không bị cháy, thì đâu cần nói “ra”?

Đáp: Chỉ do không bị cháy, gọi đó là “ra”, vậy thì Pháp thân, Ứng thân đều không bị thiêu, Ứng vốn đồng vật, từ vật nói là thiêu, theo lý thì Pháp Ứng không hoại, theo sự thì vật bị thiêu, Phật ra. Nay nói “đều bị thiêu”, ý tại đồng ra, cho nên nói: “Nếu không kịp thời ra....”.

Có người nói: Cảm ứng đồng thời. Nay cho rằng chỉ được lý đều được ra mà mất nghĩa đều bị thiêu, cho nên dùng đều bị thiêu để chủ yếu là khiến đồng ra. “Từ Biết tâm con lúc trước...”: là nêu rõ có tiểu cơ nên tiếp dùng tiểu. Khai một làm ba, cho nên gọi là “đều”. “Lại biết” đến “tiểu mạnh”: Đại thoái cho nên yếu, Tiểu mạnh hai nghĩa : 1) Nhàm chán khổ. 2) Chính là trị. “Trong sáu tâm thoái”: Căn cứ theo ý Kinh Anh Lạc, Thân-tử trong Thập trụ tâm thứ sáu thoái. Sợ là trước lúc ấy Kiến hoặc Tư hoặc đều đoạn, khi đến tâm thứ sáu, Kiến còn chưa tận, lục tâm còn thoái.

“Tán tán ba xe”: Có người hỏi: Vì sao dùng xe thì ba, Sứ giả thì hai, thành thì một, thành thì có, xe thì không? Đều là thí phương tiện mà số không đồng? Người khác đáp có dư, nay lại vì đáp. Phàm lập thí đều từ một bên, không thể chấp một mà nghi đường khác. Cho nên một hai ba chỉ là ly hợp, vì đối tam chu thì tín giải... sai khác cho nên khác biệt đó thôi! Đều thí dụ phương tiện nghĩa kia không khác. Xe thì thông nêu phương tiện cho nên có ba. Sứ giả thì từ nạn biệt đối cho nên có hai. Thành là xứ của hai, ba cho nên một. Nên biết thành cũng từ người cho nên hai, cho nên nói chỗ nghỉ ngơi thì nói hai. Xe cũng từ nạn chỉ có hai. Sứ giả cũng nghĩa kiêm Bồ-tát. Ba thứ đây đều có Nhân (người) Lý, Giáo Hạnh. Thành hoặc nói hóa, cho nên cũng không. Xe dựa vào tạo tác, cho nên lại có. Sứ giả căn cứ Quyền đồng cho nên cũng có, Quyền chính là chẳng Thật, cho nên cũng không. Quyền Thật tương đối đều thông bốn câu, theo Quyền hóa cho nên đều có, theo Thật nghĩa cho nên đều không, đều thông Quyền Thật cho nên có không, đồng căn cứ một lý cho nên cả hai phế bỏ.

“Khuyên, chỉ, chứng”: Chỉ bày lẽ ra phải ở trước, theo thứ lớp trong kinh cho nên trước khuyên sau chỉ, cũng ứng không lỗi. Trong chứng, đều nói “cùng” (dữ): chỉ là mình đã chứng cũng khiến người

khác chứng, cho nên gọi là “cùng”. Nói “Kệ trước bản lược”: thí bản chỉ nói “đó gọi là chuyển pháp luân...”. “Rộng nêu” đến “sáu câu”: Hiền hợp làm bốn, Kiến Tu làm hai. Hiền sở dĩ hợp: Pháp tứ niệm đồng cho nên làm một; Noãn, Đánh đồng thoái cho nên làm một; Nhẫn không ngoài quán cho nên làm một; Thế đệ nhất vô thượng cho nên tự làm một. Kiến Tu đạo khác cho nên đều là một. Rộng như luận Câu-xá trong phẩm Hiền Thánh nói. Đây chỉ cần lược nêu. “Ba mươi hai đế”: Trên dưới đều có mười sáu hạnh tướng, trên dưới hợp luận, cho nên thành ba mươi hai, đầy đủ thì như trong Câu-xá, Thích Tiêm chỉ lược nêu. “Cùng Khổ pháp nhẫn không khác biệt”: Thế Đệ nhất tâm đồng sát-na này, tức nhập Khổ nhẫn, đồng quán Khổ đế. Lẽ ra nói: Trong bốn tùy quán một hạnh, cùng Khổ nhẫn đồng cho nên tổng nêu. “Rong chạy, là nhập Kiến đạo mười lăm tâm”: Sau thế đệ nhất, sát-na thứ mười sáu đều là vô lậu.

Có người nói: “Mười sáu tâm vẫn tại kiến đạo”, vì bộ khác không đồng.

“Tiện có Niết-bàn âm”: Đây căn cứ sơ chuyển mà nói. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” dùng Đại thừa quán: Phạm phụ thêm văn làm quán phần nhiều tại Viên, khiến mỗi mỗi văn không trái sự tu tập chẳng kể đến cái khác. Từ đầu đến “sở nguyện”: Tâm vọng quán cảnh, gọi đó là “nguyện”, tâm chưa xứng cảnh cho nên chẳng thích ứng nguyện. “Cảnh” đến “dõng mãnh”: Cảnh nhiều quán ít không phải dõng mãnh tiến. “Cảnh nghiên tâm”: Trở lại dùng tâm tư duy diệu cảnh mà nghiên cứu tâm, luôn luôn làm điều đó, tâm quán mới lợi. “Tâm cảnh tương nghiên”: Hưởng khiến dùng cảnh nghiên cứu (tìm đến) tâm, trước lại dùng tâm quán cảnh cho nên gọi là “hỗ tương”. “Tâm vương...”: Bắt đầu tâm tu quán đều dùng đệ lục vương sở làm khởi đầu phát quán. Dù khiến quán cảnh viên dung không hai, mà kia như thô hoặc còn chưa rơi trước, cho nên vẫn đều thuộc đệ lục vương sở, cho đến chưa tịnh lục căn đến nay cũng chưa lìa vương sở. Đây là tâm vương, sở của nhà Kiến Tư. Nếu muốn căn cứ giáo thì có bốn giáo Hiền, Thánh vị biệt. “Chạy rong” không đồng nay tại Tam tạng. “Trên trong Pháp thuyết trước nêu...”: là trên chương Thích-ca tụng trong hiền thật có sáu hàng kệ. Trước, căn cứ Tứ nhất tức là hiểu rõ văn. Tiếp, căn cứ đòi xe tức là căn bản thí dụ, nghĩa là hai hàng đầu từ “Ta thấy Phật tử...” tức là nghe các phương tiện giáo trước tam Bồ-tát. Tiếp, “Ta liền nghĩ...” hai hàng và một câu, nêu chướng trừ, Phật hoan hỷ. Nói “Nay ta vui vô úy”: Tức chướng trừ cho nên vui. Nay trước nêu thoát nạn sau nêu đòi xe: trước

sau đã khác lạ. Quang Trạch thẳng đem căn cơ Đại thừa để đối thoát nạn, do đó phá. Đây nêu rõ kinh văn trước sau không đồng, chẳng cho rằng chương từ có trước sau. Do các Thanh-văn đều có trước trước trừ, thì Đại cơ nay phát. “Khổ đây đủ...”: Do văn pháp thí, thoát nạn cùng cơ, trước sau hồi hồi, nương đây không đồng giải thích ra bốn câu. Trước giải thích hai câu, còn lại hai câu chỉ trên. Nay hai câu: Dùng hai câu trước, chỉ kinh văn xen lẫn nhau nghĩa không thành. Muốn khiến thành thì xen nhau đối Hoa Nghiêm..., tức danh đồng nghĩa khác. Câu đầu tuy dẫn bốn đại Thanh-văn mà thông chỉ La-hán nghĩa kịp tam chu. Câu tiếp sở dẫn phạm phu lý thông đầu cuối, trong câu tiếp nghĩa bao gồm giáo Hoa Nghiêm và Pháp Hoa: là khác câu đầu trước, hai câu còn lại nói như trên, chỉ trên tụng chương Thích-ca.

Trong kệ Tứ nhất nêu ở cuối văn. Trong bốn câu liệu giản, hai câu một và hai cùng đây giống nhiều, nhưng có chút ít sai biệt cho nên lại giải thích. Câu đầu kia nói tại thời Tam tạng, chưa nói cuối Đại Phẩm... Câu tiếp chỉ nói các phạm phu trong Pháp Hoa, không nói người trong Hoa Nghiêm. Kia nói tuy thiếu, nhưng phần lớn ý chỉ đồng. Nói “Hai câu còn lại như trên”: tức câu thứ ba và thứ tư. Kia nói “chương tức trừ, cơ tức phát”, như trong Vô-lượng-nghĩa đắc Tiểu quả, thì liền tại pháp hội nghe Đại thừa. “Chương chưa trừ, cơ chưa phát”, như năm ngàn người đứng dậy bỏ đi, chỉ có câu thứ tư, chẳng phải người trong Pháp Hoa. “Nếu Đại căn cơ...”: lập lại chỉ kinh văn trước nay hồi hồi. “Nếu Đại căn cơ...”: Như trước nay dẫn văn của phẩm Phương Tiện, chỉ vì văn phẩm kia, văn có trước sau, không phải cho rằng phẩm kia nói trước Đại cơ phát sau chương trừ. Nếu trước chương trừ: thì như văn trước dẫn nói “Nay trong thí đã...”. “Tứ đế đồng hội Kiến đế”: Trong Kinh A-hàm cũng có “Tứ cù” dụ cho Tứ đế... Hoặc tận.

Tiếp, nêu nghĩa “Đòi xe”, nói “Nêu mười vấn nạn”: Người xưa lập vấn nạn, không chấp nhận Bồ-tát có nghĩa đòi xe, hội hai qui một. Thời đại gần đây bỏ dùng, đâu đủ làm lạ! Cho nên, nay trình bày phá, khiến có đòi có hội. Trước là thuật, tiếp là phá. “Hai vấn nạn đầu” có thể thấy. “Vấn nạn thứ ba”: Nói sở hóa là phạm phu chưa xuất tam giới, không nên có đòi, năng hóa vị ở Tam thập tam tâm, không thể nơi đây lại nói có đòi. Nếu nhập Phật quả, thì Phật quả không hai, Phật theo ai để đòi? “Vấn nạn thứ tư”: Nêu trước đoạn chánh sử, tu tập không biết tại lý không hợp nghĩa đòi, đoạn tận thành Phật, Phật lại không đòi. “Vấn nạn thứ năm”: Dẫn kinh văn nay để chứng Bồ-tát. “Vấn nạn thứ sáu”: Nói “Từ Đại Phẩm...”: Xưa để Bát-nhã ở trước Phương-đẳng,

cho nên nói “Đại Phẩm về sau”. Trước dẫn ngăn ngại, nói “Pháp Hoa về trước đều là phương tiện”, trước định giao phó cho cùng tử... là thiết lập nạn, Nhị thừa lãnh thọ nghiệp đều là Bồ-tát pháp. Nếu là phương tiện thì của cái giao phó, vì sao lại nói đều là ta có? Nếu giao phó tài... là lập lại trưng dẫn. Nếu của cái giao phó là chân thật, thì Bồ-tát đối kia trước được tài vật đây đã thành chân thật, lẽ nào đến Pháp Hoa lại đòi chân thật. “Vấn nạn thứ bảy”: Phẩm Phương Tiện nói: “Hết thấy Thanh-văn Bích-chi-phật không thể biết việc ấy”, cho nên Tiểu gọi là phương tiện, cho nên phải đòi. Phật tử Đại thừa: Kệ nói: “Phật tử hành đạo rồi, đời sau được làm Phật”. Làm Phật là thật, thật thì không cần đòi. “Ba vấn nạn cuối”: có thể thấy. Xưa nay sở chấp không ngoài mười thứ này. Tiếp trong phần phá, nói riêng tổng biệt lẫn lộn, nên riêng phá. “Bác” là ban bác (loang lỗ), hình trạng không thuần cũng là lẫn lộn. Phá: cho rằng kia như lẫn lộn, chánh giải thích như thuần nhất.

“Cái gọi là Tổng”: Là thông lập Bồ-tát có nghĩa đòi xe thì mười nghĩa đều phá. “Đòi là cầu thỉnh” đến “gọi là cầu đòi”: dẫn trước ba nghiệp đều có văn đòi, có pháp dụ hợp. Pháp ý: là hàng tam thừa thành tựu chưa đủ, đều chưa khéo hành, đến kinh này đều phải có “đòi”. Ba câu trong Dụ thứ lớp để đối ba pháp. “Phàm cư...”: trong Hợp đầu tiên nêu ý đòi. Nghĩa “Đòi” gồm ba và dẫn văn chứng đủ từ đầu đến cuối. Do “đòi” cho nên “hứa”, do “hứa” nên “cho”. “Hứa và cho” có văn, thì đâu được không “đòi”. Đầu tiên nêu thỉnh, trung thỉnh đã nêu Di-lặc ở trước, hứa lẽ nào riêng đáp lời Thân-tử? Huống chi Thân-tử thấm nhuần ân khắp thỉnh vì tự tha, cho nên nói “nguyện vì bốn chúng”. Bốn chúng lẽ nào riêng Nhị thừa? Đức Phật hứa chẳng chuyên chúng Tiểu thừa, cho nên chỉ nói chung: “sẽ vì nói...”. Văn hứa, có thể thấy. Cho nên biết tam chu thông nói tam thừa. Pháp thuyết xong Thân-tử hoan hỷ, tức đầu quyển thứ hai. Thí thuyết xong Ca-diếp hoan hỷ, như đầu phẩm Tín Giải nói: “Nghe Đức Thế Tôn thọ ký Xá-lợi-phất, thì các ngài Ca-diếp phát tâm hy hữu vui mừng hơn hở”. Nghe nói nhân duyên đòi trước thì Phú-lâu-na hoan hỷ. Như đầu phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký nói: “Lại nghe việc nhân duyên đời trước, tâm thanh tịnh hơn hở”. Tiếp “Biệt bác (lẫn lộn)”: Trước phá nạn thứ nhất, nói “Tề Tam tạng nêu rõ Bồ-tát không đoạn Hoặc”: trước nói Bồ-tát chưa đến nơi hứa, do không đoạn Hoặc, cho nên không cùng Nhị thừa đồng đến nơi hứa quả. Cho nên không đòi, tức là chỉ trong Tam tạng nêu rõ Bồ-tát không đoạn, cho nên phán là “Tề”. Nói “Y Pháp Hoa có bốn câu”: nghĩa là căn cứ kinh này nên làm bốn câu thì nhiếp căn cơ mới tận. Nếu không có bốn

câu thì sợ người cho rằng cơ phát chỉ tại nơi người không chướng ngại, cho nên câu thứ hai tức Tam tạng Bồ-tát. Nếu riêng Nhị thừa, thì Nhị thừa sao từng có chướng chừa trừ? Cần phải liệt kê hai câu căn cơ phát phá xưa không đòi. Nếu không đòi thì do đâu cơ phát? Nhưng cơ không động cũng có chướng trừ tức câu thứ ba vậy. Chưa phát vả lại chỉ Pháp Hoa về trước. Nếu đến Pháp Hoa thì trừ năm ngàn người bỏ đi, ngoài ra không có người nào không phát. Phá nghĩa thứ hai: ý Sư kia nói: Đòi chỉ tại Tiểu, các kinh Đại thừa đều không có nói Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa, kinh này Bồ-tát lẽ nào ứng đòi Tiểu quả? Cho nên nay phá, nói: “Nhập Niết-bàn đã đồng, sao được không đòi?”, nghĩa là chính dùng Thông giáo phá. Ông nói Bồ-tát không đòi Tiểu quả, nhưng thông hàng Tam thừa đắc lý đã đồng, đều bị bài xích, nói: “Đều là phương tiện”. Muốn lại cầu thật lý cần phải đều đòi, Thông giáo còn đòi hướng chi Tam tạng ư! Phá thứ ba: Văn kia nói: Sở hóa ba A-tăng-kỳ, trăm kiếp đến Bồ xứ, còn là phàm phu đạo lý không đòi. Đây là chê bai thái quá, lẽ nào ba tăng-kỳ trăm kiếp hoàn toàn đồng phàm? Văn vẫn không phá, chỉ phá năng hóa tam thập tam tâm kia tư duy vẫn chưa tận cho nên không ứng đòi, đến nghĩa Phật lại không đòi xe, chỉ tổng phê phán nói Thuộc tam tạng đó thôi! Cho nên “Bồ-đề thọ hạ tam thập nhị tâm” còn gọi là Bồ-tát, thời tiết đã ngăn, nghĩa đòi không thành, đây thì có thể như vậy.

Nói “tư duy chưa tận”, đây không nên như vậy cho nên lấy Kiến- hoặc phàm phu so sánh thì Hoặc chướng toàn tại Đại cơ còn phát, hướng tam thập tam tâm? Nói “Phật không đòi”, đạo lý như vậy. Kia cũng không biết nhân không đến quả, đến tam thập tam tâm ắt không thật hành. Có thể trong đây Phật thật là ba tăng-kỳ đến quả chỉ đoạn Kiến Tu mà thôi! Lại đồng La-hán, như nói thế gian có sáu La-hán, La-hán đâu được không đòi xe ư? Chỉ do kia không biết Quyền, cho nên lại nạn vấn. Giáo kia đã Quyền, tiến thoái có ngăn ngại. Trong phá ý thứ tư, cũng trước lập lại nói: “Bồ-tát chưa đoạn tập” cho đến “đoạn tận...”: đây dùng văn thứ ba làm theo lệ. Văn thứ ba trước, nói nếu Bồ-tát tiến tới đoạn tập khí vô tri, lý hợp thành Phật, nghĩa “đòi” không thành. “Đây tam thừa...”: chánh phán xét thuộc Thông giáo, đã chưa thật Bồ-tát phải “đòi”.

Tiếp, dùng “cụ phược” để so sánh, phá ý thứ năm: Kia cho rằng trong tam thừa, Bồ-tát là duy nhất (chỉ riêng). Tiếp, “Bị hội...”: là phá. Dù cho phép Bồ-tát phục đoạn không đồng, nhưng vọng người Nhị thừa cũng gọi “duy nhất”. Nên biết, nói “duy nhất” là thông đối đãi Nhị thừa không hạn cuộc. Kia lấy đối tượng đối đãi là Nhị thừa, ngoài đó ra chỉ

một duy nhất, mà không biết bốn giáo đương giáo Bồ-tát đều gọi là “duy nhất”, cho nên ba mà duy nhất cần đòi xe. Nên biết ba trước là đối đãi hai duy nhất, Viên giáo duy nhất mới là tuyệt đãi; như ngoài Tam tạng duy nhất, còn có tam giáo, Thông, Biệt có thể biết, như ngọc châu, trắng sáng tỏ về đêm.

“Phá ý thứ sáu”: Kia nói Bát-nhã đến Pháp Hoa một mực chân thật. “Ông không...”: là dùng cộng bất cộng để trách. “Cộng bất cộng” văn xuất từ Đại luận. Bất cộng Bồ-tát cho phép có thể không đòi, vì kia có Viên. Lại Bất cộng kiêm Biệt. Biệt còn phải đòi hướng chi Cộng Bồ-tát, cho nên ông không biết tài sản giao phó bao gồm Cộng và Bất cộng, mà chỉ một hướng nói chân thật không đòi! Lại, nếu nói trong Bát-nhã Bồ-tát chân thật không đòi, thì nay hỏi ngược lại: Nhị thừa ở Bát-nhã được giao phó chân thật, tức đồng Bồ-tát tại sao lại cần đòi? Hướng chi ông tự nói đến Pháp Hoa đều là chân thật, do ông không biết Tam-muội sai khác. Trong “Phá ý thứ bảy”, lập lại nạn vấn đã xong. Tiếp, trong phá dẫn văn Bản môn, văn Bản môn kia vì Đại tiểu mình người đều là phương tiện. Vọng bản văn kia thì Viên còn là phương tiện hướng chi Thiên ư! Nay trong Tích thì tam giáo đều là phương tiện, hướng chi đầu phẩm Phương Tiện nói: “Phật dùng phương tiện lực dạy cho ba thừa giáo”, sao riêng nói duy chỉ dạy cho Nhị thừa, cả ba đều phương tiện cho nên đều đòi. “Phá ý thứ tám”: Cũng trước trình bày nạn vấn. Tiếp “Ông không nghe...”: là phá, cũng nên dẫn mười nghĩa đầu của tam chu bên trên, trong đó có văn lãnh. “Phá ý thứ chín”: Đã như trước phá. “Phá ý thứ mười”: Nói cũng như là nghĩa trước, không ngoài Tam tạng, phá cũng như trước. Người đời làm rõ nghĩa phần nhiều không chịu nói theo Tứ giáo, nay chỉ phá nói “Tứ giai” và dùng Tam thừa cộng vị cùng Bồ-tát trong Hoa Nghiêm không đồng. Nếu lại không chấp nhận, thì xin xem luận Bà-sa Câu-xá và kinh Đại Phẩm hoặc trở lại Thiên Trúc! “Tự có hành thôi nghĩ...”: là đại tiểu sai biệt cho nên Tiểu thừa thôi đòi, Bồ-tát chưa thôi giáo Quyền, cho nên đòi.

“Lại, Bồ-tát...”: lại dùng nghĩa phá. Xin là tên khác của cầu thỉnh, lẽ nào có không cầu mà đắc. “Quán kỳ quý lữ”: “Quý” là đối trá; “lữ” là chồng chất. Mười nghĩa phần nhiều giả vờ chồng chất Thông Tạng, cho nên ý câu một, ba, chín, mười toàn là Tam tạng; bốn, năm, sáu rộng phụ Thông giáo; ba ý còn lại nghĩa bao hàm Tạng, Thông. Kia do thông thấy Anh-lạc, hạnh vị còn thuộc thiết lập Quyền, phi thị phát tâm cả hai không khác. Nếu là thực, thì hạnh nguyện Phổ Hiền ở kinh Hoa Nghiêm là đồng hay khác? Nên một nhà lập nghĩa biệt còn phải

có “Đòi”, hướng chi tại Tạng Thông, do kia lập Bồ-tát không đoạn, và do đoạn Hoặc chưa cùng tận đều không cần đòi ?! Nhị thừa đoạn Hoặc, nên cần phải đòi! Đây tức hoàn toàn mê ở đoạn Hoặc Bồ-tát cũng phải xin xe, hướng chi chướng chưa trừ Đại cơ động nhân. “Nay sẽ...”: tách làm bốn câu: Đoạn, không đoạn, có đòi, không đòi. Hướng lại mười sáu câu biến khắp. Căn cứ năm thời, đầu tiên chấp nhận người xưa rơi tại một câu, nếu đến mười sáu câu tức khiến không đòi thành đòi thì hoàn toàn khiến rơi vào câu nghĩa phi, vô mà có thể đắc. Trong đó trước nêu bốn câu.

Hỏi: Câu đầu cùng người xưa Bồ-tát không đòi có gì sai biệt?

Đáp: Nay biệt có ý phê phán ở Tam tạng. Kia nói tất cả Bồ-tát không đoạn cho nên đều không đòi, hoặc là đoạn chưa tận cho nên không đòi.

Lại dẫn kinh luận hợp thành Thông Tạng, do kia không biết nghĩa Biệt Viên. Nếu bản biết thì việc gì không lập? Cho nên nay đầu tiên lại tách làm bốn câu, dùng đối bốn giáo thứ lớp trải qua năm vị. Trong câu đầu vọng ba câu sau, danh đồng Sư xưa mà ý hoàn toàn khác. Một phen đối câu lại lập căn bản, gọi là “không đòi”. Do Tam tạng Bồ-tát từ đầu đến cuối không đoạn, dù bị bài xích thì cũng không thể đòi. Nhất vãng (một phen) tuy vậy, còn chưa tận lý cho nên lại khai làm mười sáu câu. Lại trong câu căn bản câu thứ hai là Thông giáo, tam thừa đều đoạn cho nên đều đòi xe. Câu thứ ba căn cứ chưa phá vô minh gọi là không đoạn, cho nên phải đòi. Đẳng địa đã đoạn, cho nên không đòi. Đây thì vĩnh viễn khác xưa nay các Sư, hướng chi câu thứ tư đều là pháp giới, lại làm sao đoạn đòi? Cho nên câu thứ tư mới gọi là không đòi. Trong ba câu trước, câu đầu tuy không đòi nhưng cuối cùng phải đòi, cho nên trong ba câu đều gọi là đòi. “Lợi”: thì trước đòi. “Độn”: thì nay đòi. Do cần phải khai cho nên cần phải đòi. Viên giáo còn không thích hợp đối với không đòi, thì làm gì có đòi ư? Cho nên không đồng xưa lập mười nghĩa.

Tiếp, lại tùy vị đầy đủ giáo nhiều ít chuẩn theo lệ nói, cho nên trước Pháp Hoa Tam giáo Bồ-tát hết thấy chấp nhận đòi. Hai giáo Nhị thừa căn cứ thời trước sau, hiển mật không đồng, lại căn cứ năm vị bởi có nguyên do. Hoàng cương đại thống (rộng bày cương lĩnh, thống lĩnh đại ý): Lại lập bốn câu để đối năm vị, chưa phân nhỏ. Nói “mỗi một câu”: tức như bốn câu trước. “Mỗi một ý”: Nếu trực đối câu thì chỉ là câu nói bốn giáo lại chia làm bốn, cho nên câu cũng gọi là ý. Ý: Chỉ là câu trong giáo, như nói “nhũ vị hai ý...”. Cho nên biết chướng trừ chỉ là Hoặc đoạn, cơ động lý hợp đòi xe. Căn cứ câu trong đây nếu từ căn

bản, thì câu đầu trong bốn làm đứng đầu, lẽ ra trước từ chướng chưa trừ cơ chưa động, tách làm bốn câu, nên nói chưa trừ chưa phát, đã trừ chưa phát, cũng trừ cũng chưa trừ chưa phát. Không phải trừ, không phải chưa trừ chưa phát. Chưa phát chẳng phải tông cho nên không dụng. Văn đầu vả lại dùng trừ... đối động, tựa như trong căn bản, trên câu thứ hai khai xuất. Đã nói mỗi một câu đều khai làm bốn, chỉ là đều dùng bốn câu trong văn liệt nêu trên các giáo. Vậy thì bốn giáo đều dùng trừ..., đối động làm câu để nêu rõ đòi xe. Chính tại động, cho nên trong mỗi một giáo đều dùng trừ... đối động mà nói. Cho nên văn chỉ liệt kê bốn câu làm thử (thí), vẫn đem câu đây trải qua năm vị để xem, khiến biết trong bốn vị các cơ chưa thuần. Cho nên có đương giáo, hậu giáo không đồng. Dựa theo ý kinh này, tuy có các giáo chướng trừ không trừ, mà cơ động ắt chỉ có Viên giáo.

Hỏi: Ba giáo trước đương giáo luận phát, trở lại đối đương giáo trừ không trừ... Đây thì có thể thấy. Nếu đều hướng về Viên cơ luận phát thì Bồ-tát thông với Nhị thừa trước bất định, Viên giáo làm sao luận bốn câu: đoạn... ư? Vì sao lại động ?

Đáp: Nên đem Sơ trụ để đối trước trụ mà luận bốn câu, tất cả phạm phu không đoạn năm phẩm gọi là “đoạn”. Sơ tâm tu quán tuy tức pháp tánh, nhưng phải tác ý đoạn cho nên tạm lập tên “đoạn”. Lục căn tức là câu thứ ba, dùng câu thứ tư làm câu căn bản Viên giáo, cần trở về Sơ trụ nên như vậy. Cho nên các câu giáo trước Pháp Hoa, thì giáo chưa dung thông, đến Pháp Hoa chỉ có bốn trừ dùng đối một phát, nên đến Pháp Hoa đều có đòi. Miệng đòi đã như vậy cơ tình có thể biết, vậy thì mỗi một vị, không vị nào có không đòi, chỉ cơ tình bí mật cho nên không luận. Do đó lại đối hiển giáo các vị để thành các câu, “đòi” cùng “đoạn” nghĩa kia rất nhiều, vì sao chỉ dùng một lời liền phê phán, cho nên nói “tông đây không thấy...”.

Tiếp, nêu “Thể, số không đồng”: Xưa trong ba sư, sư đầu nhất toàn sai, sư tiếp tựa như đương nhiên, sư thứ ba nay không hoàn toàn chấp nhận. Lý kia chưa hiển, đều do không nói Phật, Bồ-tát thừa lý hợp đầu cuối đồng khác. Sở dĩ nên hợp không hợp. “Sở dĩ...”: phá xưa. Trước, Thông không phải; tiếp, Biệt dẫn giáo. Đầu dẫn xưa ba, ba đã tại xưa nghiệm biết một tại nay. Tiếp, “Hoa Nghiêm...”: đều dẫn chứng bốn, tức năng sở liệt kê đủ. Đầu, nói thuyết; tiếp, nói xuất Thuyết căn cứ giáo pháp, Xuất căn cứ hạnh nghi. Một và ba từ ứng, thứ hai từ cơ. Nên biết định có bốn pháp. “Địa luận...”: Địa luận tại Biệt, còn liệt kê bốn quán, quán nơi Thập thiện. Nên biết các pháp đều thông bốn quán.

Anh Lạc tam thừa tức ba giáo trước. Ba đều khai ba, tức Biệt giáo thừa, bình đẳng tức Viên giáo thừa. “Nay căn cứ giáo...”: lần nữa lại dùng giáo môn để phê phán ba, bốn trước nay. Chỉ nói ba bốn mà chưa nói hơn, kém, cho nên cần giáo phán xét. Nếu tam thừa đối chân mà luận đồng khác, thì tức phán nhà đầu tiên. Phán ba, bốn, chín thuộc Biệt Viên, lại phải căn cứ Hạnh mới phân biệt Viên, nên biết Tạng, Thông đại ý cũng vậy. Tuy dẫn kinh trước đầy đủ bốn giáo, diệu bộ chưa hiển lại phải trải qua vị mới biện rõ kinh này. Trong Chánh Pháp Hoa cũng trước nói voi, ngựa, dê; sau mới đều ban cho xe đại bạch tượng, đồng một Phạm văn, ai sai ai đúng?

Có người hỏi: Ra không thấy xe cho nên liền đòi, đây chưa lập thành nên phải đòi thành ư? Nay vì đáp: Thành thì căn cứ có thí dụ, thấy tại sao phải đòi?

Hỏi: Xe thành đều là phương tiện, có không nghĩa ắt đồng, vì sao có không khác đến nỗi khiến đòi không đồng?

Đáp: Xe do bài xích phương tiện, thất (mất) thật cho nên phải đòi. Thành nếu chẳng chân thật cũng đồng với nơi xe không có.

Hỏi: Nếu vậy thì nên đều đòi, vì sao đòi không đồng?

Đáp: Xe chỉ nói phương tiện cầu thật cho nên có đòi. Thành nói thật ở gần, cho nên không cần đòi.

Hỏi: Phương tiện lược khai ba chưa thật, cho nên có đòi. Đã nghe chương Ngũ Phật, vì sao trong thí dụ đòi ư? Đáp: Trung căn mê pháp thuyết, cho nên nói xe là đối thí dụ, có không rõ ràng. Người đầy đủ trí thì không có vấn nạn đây.

Có người hỏi: Ba xe thì cho phép có thể có thượng hạ, một thành đầu được có xuất nhập ư? Đáp: Xe cũng không có văn nói có hạ, thành cũng không từng nói có xuất. Xe bị bài xích hư dối nghĩa đồng hạ căn. Thành nghe nói hóa nghĩa đồng xuất. Kia đây từ Thí bao hàm nghĩa lập, đều đã nhập chứng đều phải khai.

Đại xa bảo sở đã không sai khác, hai xứ diệu lý tại sao sai khác? “Người đời...”: là nêu rõ thể của Đại xa, nên như Huyền Văn, hiển thể biện rõ; đây vì phá xưa mà lược biện khác đồng. Trên tuy nêu số và đòi không đòi. Nếu không biện thể thì dùng cái gì để nêu nguồn gốc của giải hạnh ư? Sắp xuống các sư Chương An sở dẫn, cho nên nêu nay giải thích nói Thiên Thai sư. Đầu tiên Quang Trạch trang nghiêm tuy đều nói cao rộng, mà căn cứ quả chấp nhân đối xưa chưa dứt, cho nên Quang Trạch chỉ quả đây có năm lỗi:

1) Nhân thừa vô thể thừa làm sao mà xuất?

- 2) Danh lạm dụng Tiểu thừa quả còn phải đòi.
- 3) Do dụng làm thể, năng sở không phân.
- 4) Đợi xưa không tuyệt khai quyền không thành.
- 5) Nhiếp pháp không khắp vì ngăn cách phạm hạ.

Biệt không nói Tận trí, huống chi Viên ư! Viên Biệt tuy có nói tên Vô sinh mà đồng ý biệt, đoạn chứng vĩnh viễn trái cho nên không dùng, huống chi dụng nay đối đãi xưa mới gọi cao rộng. Nên biết đương thể không cao rộng, trang nghiêm tại nhân quả ắt không có thể, huống chi Hạnh thì đầy đủ độ cũng chẳng phải sở nghiêm. Thượng cầu hạ hóa bốn giáo đều như vậy, huống chi chỉ biết nói kia cao rộng mà không hiểu thủy chung bất nhị. “Cựu sư không dùng công đức” ý để bài xích trang nghiêm, muốn đồng Quang Trạch lại không nói quả. Trí thuộc bạch ngư, thể cũng không thành, lỗi căn cứ trước nói. Lại “một sư dùng Phước Tuệ” để tổng phá ba thứ trước, dẫn vô lậu căn lực... thuộc Tuệ, Thiên định giải thoát... thuộc Phước. “Lẽ nào chỉ Tuệ ư?": Chính là bài xích ý thứ ba, phước tuệ đã chẳng phải thể xe, lại lầm dẫn văn xưa để chứng nay, sự sâu xa không thể được. Lỗi lầm v.v... lại dùng “Hữu giải”, tựa như phù hợp với ngài Quang Trạch. “Không giải” không động cho nên không dùng tức, ý nói nghĩa vận chuyển không thành, không có ý vận đều không có thể. Tận Vô Sinh trí tức “Hữu giải”, từ sở tận, sở vô mà lập danh. Lại một sư phân đối Tiểu thừa, Đại thừa chỉ dùng thật tuệ phương tiện, vận động như trước. “Riêng nói...”: Chương An bài xích chung. “Ngà...”: tuy voi mà thông biệt không đồng, thông thì đều là thân voi, biệt thì thân chẳng phải tai... Căn cứ thí dụ phá nghĩa, ý cũng có thể biết. Cho nên quên thể thì thông biệt đều mê. “Đến trong ban xe điểm xuất”: cao rộng làm thể vĩnh viễn khác các sư xưa.

Tiếp, biện “Xe nhỏ và vận, không vận”, kiêm biện “nhân quả và đòi không đòi”. Nhân tiện nêu rõ khiến biết sở khai. Vì trước đòi Tiểu, thì trước phải biết Tiểu. Nói “Tám trí thông nhân quả”: Cũng nên nói thông lậu vô lậu, như tha tâm trí tức dùng pháp, loại, đạo, và Tục trí sở thành. Vì sao? Nếu tha tâm trí duyên tha Vô lậu tâm, thì nên dùng pháp loại đạo tha tâm trí để biết. Nếu tha tâm trí duyên tha Hữu lậu tâm, thì nên dùng thế tục tha tâm trí để biết. Nếu quả địa tha tâm trí, thì dùng quả địa tha tâm thế tục trí để biết. Nếu nhân nhân (người) tha tâm trí, thì dùng nhân địa tha tâm thế tục trí để biết. Tự còn lại sáu trí. Nếu là sơ quả nhân (người) đoạn kiến thì sáu trí rõ ràng thuộc nhân. Nếu là quả thứ hai, thứ ba và vì phi tướng còn một phẩm, thì sở hữu sáu trí cũng thuộc nơi nhân, một phẩm sau cùng mới thuộc quả. Nếu y người xưa

dẫn giáo phá trước nhất hướng dụng quả. “Nhưng chỉ...”: là người xưa chánh giải thích. “Nguyên nhân chủ yếu...”: là giải thích sự ngăn ngại có phụ có chánh. “Nếu nội nhân...”: lại lập nghĩa ngăn ngại. “Nhưng quả...”: là giải thích sự ngăn ngại. Quả không tự khắc, mà do nhân đến, cho nên khiến quả này đặc, gọi là “vận chuyển tốt”. Trung đạo không đạt, là tiêu biểu chẳng vận chuyển tốt. Từ “cái chủ yếu” mà đặt tên, cho nên gọi là “vận chuyển tốt”. Thừa chỉ là xa, xa (xe) vốn động vận, vận nhân đến quả được gọi là “vận chuyển tốt”. Vì có thể đều phân phát, về lý cần phải song lập. “Nếu thừa...”: người xưa thừa hướng đến chỗ giải thích, lập sự ngăn ngại đòi xe. “Xưa nói...”: là giải thích sự ngăn ngại, giải thích khước thành ngăn ngại. Ý xưa giải thích, nói “Cơ đòi có thể hiểu”: tức cơ chứa ở bên trong có thể phát gọi là “đòi”, cơ tuy có đòi chỉ âm thầm tại tâm, tình chưa do dự cho nên khiến không thuật. Tuy tình động bên trong nhưng chưa hiển rõ nơi khẩu, chỉ do tình cho nên dùng thiên nhãn quán. Tiến thoái sinh nghi tình theo Phật đòi. “Nếu tìm...”: nay phá xưa, có hai sự ngăn ngại của văn và nghĩa. Trong ngăn ngại thứ hai có bốn mâu thuẫn.

- 1) Cùng đương văn diệt tướng mâu thuẫn.
- 2) “Lại, Phật...” cùng cần gặp Phật khác quyết liễu tức mâu thuẫn.
- 3) “Lại, ban đầu...”: cùng dưới không thấy trên tức mâu thuẫn.
- 4) “Lại La-hán...”: Khi cùng tu nhân chưa thấy quả tức mâu thuẫn.

Hai mâu thuẫn đầu có thể thấy; mâu thuẫn thứ ba dẫn theo lệ. Lại “trái với Nhiếp Đại Thừa”: Các luận về thiên nhãn (hạ) dưới không thấy trên, ắt không có Nhị thừa thấy ở ngoài giới. “Nay nói...”: là chánh giải thích. Nói “ngày xưa”: Xưa trụ nơi tiểu giáo, vì kia bị bài xích tình có sở vọng. Căn cứ đây phê phán ý tình thông hai vị, nhân bài xích xưa giải thích tình đòi lý trái, cho nên nay là lập nghĩa tình đòi. Nếu riêng luận tình dùng ý làm lời vì nói, vì cơ Sinh do đó tình động, nên cơ tình đòi thông khắp hai tô, biệt phân hai vị. “Đòi cầu” đến “là thật”: nếu là phương tiện, thì xưa thật tại đâu! “Cơ tại Đại thừa...”: là giải thích ý cầu thật cho đến miệng đòi thì Đại căn cơ đã phát, tình cầu xưa thật ý tại nay chân thật. Đây thì cơ thật mà tình giả. “Lại, tình...”: là lần nữa lại trình bày giả để nêu thật. Cho nên tình thật mà miệng giả, cho nên khi cơ tình chưa hiển rõ nơi miệng, thì ngày miệng đòi ắt đầy đủ cơ tình. “Lục độ Thông giáo theo lệ như vậy”: Trước nay nêu rõ hai giáo Nhị thừa đã vậy, cho nên biết hai giáo Bồ-tát cũng vậy. Vì sao? Xưa năm trăm, tám ngàn người đều bị bài xích, Bát-nhã đào thải thọ lợi ích sự đồng. Đã thấy Thân-tử hiện nghi, Phật giải thích lý nên thấm nhuần rồi,

im lặng tại tòa đợi Thánh trình bày thông. “Có hai chương, hai rộng, hai giải thích”: đây y chưa thứ lớp, số liệt kê có chút ít tợ như khó thấy. Căn cứ văn thứ tự hai chương đều nêu, rộng giải thích trong đó nêu ra.

